

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 23/2020/DS -ST

Ngày 04/8/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình D;

2. Ông Đỗ Thanh Đình;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đình Văn Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Thanh- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 7 và 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2020/TLST-DS ngày 12/3/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2020/QĐXXST- DS ngày 02/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2020/QĐST-DS ngày 17/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TT(Ngân hàng)

Địa chỉ: Số 266 – 268, đường N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn D, chức vụ: Tổng giám đốc, địa chỉ: Số 266 – 268, đường N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn; Ông Nguyễn T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng- chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 449 đường Q, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn

(Giấy ủy quyền số 3905/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019). Ông T ủy quyền lại cho các ông: Nguyễn Vũ T1, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng - chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 449 đường Q, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy ủy quyền số 11/2020/QĐ-CNQNI ngày 21/01/2020); ông Phạm Quốc D, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ, địa chỉ: Số 449 đường Q, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy ủy quyền số 69/2020/GUQ-QNI ngày 06/5/2020) và ông Phạm Hữu T1, chức vụ: Phó phòng phụ trách Phòng giao dịch H, địa chỉ: Số 361 đường H, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi (Theo Giấy ủy quyền số 142/2020/QUQ-QNI, ngày 27/7/2020), ông T1 có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Sinh T2 sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị M sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Cháu Võ Thị Anh T3 sinh năm 2012; địa chỉ: Thôn Tân An, xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của cháu T3 là ông Võ Sinh T2 và bà Nguyễn Thị M.

Cùng địa chỉ: Thôn Tân An, xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông T2, bà M đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2020 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày:*

Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn (Vay vốn sản xuất kinh doanh nông nghiệp) của bà Nguyễn Thị M ngày 28/6/2019. Ngân hàng đã ký với ông T2, bà M Hợp đồng cho vay (áp dụng cho vay nhỏ lẻ) số LD1918600528 ngày 08/7/2019 để cho ông T2, bà M vay số tiền 260.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh-mua bán hải sản; lãi suất vay: 11%/năm áp dụng cho 03 tháng đầu, từ tháng thứ 04 sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ; Ông T2 và bà M đã ký tên, điểm chỉ vào Hợp đồng cho vay ngày 08/7/2019 và Giấy nhận

nợ Ngân hàng ngày 12/7/2019. Ngoài ra, bà M còn ký với Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/6/2017 hạn mức 25.000.000 đồng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của mình, ông T2 và bà M đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD 1819900294 ngày 27/7/2018, được công chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 27/7/2018, đăng ký thế chấp ngày 27/7/2018 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 381, tờ bản đồ số 9, diện tích 142,8m² tại xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH00242 ngày 20/12/2011 cho ông Võ Sinh T2 và bà Nguyễn Thị M. Ngày 08/7/2019 ông T2, bà M và Ngân hàng đã ký Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1819900294-01, được công chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 08/7/2019, ông T2, bà M cam kết toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa 381 nêu trên đều thuộc tài sản thế chấp. Cam kết được chứng thực tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 08/7/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 và bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 31/7/2020, ông T2 và bà M còn nợ Ngân hàng:

Đối với hợp đồng cho vay LD1918600528: Nợ gốc là 260.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.430.186 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.215.550 đồng, tổng cộng là 278.645.736 đồng.

Đối với hợp đồng cấp thẻ tín dụng: nợ gốc là 21.251.010 đồng, nợ lãi quá hạn 2.312.880 đồng, tổng cộng là 23.563.890 đồng;

Tổng cộng tất cả các khoản nợ gốc và lãi thì ông Võ Sinh T2 và bà Nguyễn Thị M còn nợ Ngân hàng 302.209.626 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông T2 và bà M phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 302.209.626 đồng (tạm tính đến 31/7/2020), ông T2 và bà M phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/8/2020 cho đến khi tất toán hợp đồng. Trường hợp ông T2 và bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông T2 và bà M theo hợp đồng thế chấp đã ký) để trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T2 và bà M có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ.

** Tại Biên bản làm việc ngày 28/4/2020, trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà và ông Võ Sinh T2 là vợ chồng, ông bà thống nhất về việc có ký các Hợp đồng cho vay, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, hợp đồng thế chấp thế chấp quyền sử dụng đất và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ đúng như Ngân hàng trình bày. Bà và ông T2 còn nợ và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 283.865.267 đồng tạm tính đến ngày 25/02/2020. Do hoàn cảnh kinh tế hiện đang khó khăn, ông bà đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng ông bà được trả dần số tiền nợ cho đến khi hết nợ.

Trong trường hợp ông, bà không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì bà và ông T2 đồng ý giao tài sản thế chấp cho Cơ quan có thẩm quyền xử lý để trả nợ cho Ngân hàng.

Hiện nay ngôi nhà đã thế chấp cho Ngân hàng tại thôn Tân An, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi có 03 người đang sinh sống gồm: Ông T2, bà M, cháu Võ Thị Anh T3 (con đẻ ông T2 và bà M). Toàn bộ tài sản thế chấp là của vợ chồng ông T2, bà M; cháu T3 đang sinh sống không đóng góp gì. Từ khi thế chấp đến nay ông, bà không sửa sang, thay đổi gì tài sản thế chấp.

** Bị đơn ông Võ Sinh T2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án và không đến Tòa làm việc.*

**Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tổng đạt các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T2 và bà M phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 302.209.626 đồng (tạm tính đến 31/7/2020).

Ông T2 và bà M phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/8/2020 cho đến khi tất toán hợp đồng. Trường hợp ông T2 và bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung đã ký để trả nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T2 và bà M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ, ông T2 và bà M phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng tạm ứng án phí và tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Võ Sinh T2 và bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Võ Sinh T2 và bà Nguyễn Thị M phải thanh toán số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án và bà M thừa nhận thì Ngân hàng và ông T2 và bà M đã ký Hợp đồng cho vay (áp dụng cho vay nhỏ lẻ) số LD1918600528 ngày 08/7/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/6/2017 đối với bà Nguyễn Thị M. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên tạm tính đến ngày 31/7/2020 ông T2 và bà M còn nợ Ngân hàng: Đối với hợp đồng cho vay LD1918600528: Nợ gốc là 260.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.430.186 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.215.550 đồng, tổng cộng là 278.645.736 đồng. Đối với hợp đồng cấp thẻ tín dụng: nợ gốc là 21.251.010 đồng, nợ lãi quá hạn 2.312.880 đồng, tổng cộng là 23.563.890 đồng. Tổng cộng tất cả các khoản nợ gốc và lãi thì ông Võ Sinh T2 và bà Nguyễn Thị M còn nợ Ngân hàng 302.209.626 đồng.

Bà M thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký, ông T2 không phản đối nên đây là nội dung, tình tiết không phải chứng minh. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Ngân hàng yêu cầu ông T2, bà M phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ bao gồm nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 31/7/2020 và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/8/2020 cho đến khi tất toán hợp đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông T2 không phản đối, bà M thừa nhận để đảm bảo khoản vay thì ông T2 và bà M đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD 1819900294 ngày 27/7/2018, được công chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 27/7/2018, đăng ký thế chấp ngày 27/7/2018 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 381, tờ bản đồ số 9, diện tích 142,8m² tại xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH00242 ngày 20/12/2011 cho ông Võ Sinh T2 và bà Nguyễn Thị M. Ngày 08/7/2019 ông T2, bà M và Ngân hàng đã ký Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1819900294-01, được công chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 08/7/2019, ông T2, bà M cam kết toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa 381 nêu trên đều thuộc tài sản thế chấp. Cam kết được chứng thực tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 08/7/2019. Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra không phải chứng minh, Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp ông T2 và bà M không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu ông T2 và bà M tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông T2 và bà M phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, Ngân hàng đã tạm ứng số tiền trên và đã chi xong nên ông T2 và bà M có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng 2.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Ông T2 và bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 317, 318, 319, 320, 323 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2

Điều 92, 144, 147, 157, 158, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TT. Buộc ông Võ Sinh T2 và bà Nguyễn Thị M phải thanh toán cho Ngân hàng TT số tiền còn nợ cụ thể như sau: Đối với hợp đồng cho vay LD1918600528 ký ngày 08/7/2020: Nợ gốc là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 17.430.186 đồng (Mười bảy triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, một trăm tám mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là 1.215.550 đồng (Một triệu, hai trăm mười lăm nghìn, năm trăm năm mươi đồng), tổng cộng là 278.645.736 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi sáu đồng). Đối với hợp đồng cấp thẻ tín dụng: nợ gốc là 21.251.010 đồng (Hai mươi một triệu, hai trăm năm mươi một nghìn, không trăm mười đồng), nợ lãi quá hạn 2.312.880 đồng (Hai triệu, ba trăm mười hai nghìn, tám trăm tám mươi đồng), tổng cộng là 23.563.890 đồng (Hai mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm chín mươi đồng). Tổng cộng tất cả các khoản nợ gốc và lãi thì ông Võ Sinh T2 và bà Nguyễn Thị M còn nợ Ngân hàng 302.209.626 đồng (Ba trăm lẻ hai triệu, hai trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm hai mươi sáu đồng), (tiền lãi tạm tính đến ngày 31/7/2020).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông T2 và bà M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trường hợp ông T2 và bà M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng TT có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất và toàn bộ phần diện tích công trình xây dựng (kể cả không có giấy tờ pháp lý hợp lệ) là: Nhà cấp IV, tường xây gạch, nền tráng xi măng, mái lợp tole, xây dựng vào tháng 11/2016, giá trị còn lại khoảng 90% tại thửa đất số 352 tại thôn Tân An, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH00242 ngày 20/12/2011 cho ông Võ Sinh T2 và bà Nguyễn Thị M theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD 1819900294 ngày 27/7/2018, được công

chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 27/7/2018, đăng ký thế chấp ngày 27/7/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1819900294-01, được công chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 08/7/2019, Cam kết thế chấp của ông T2, bà M ngày 08/7/2019.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T2 và bà M có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TT cho đến khi trả nợ xong.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), ông T2 và bà M phải chịu nhưng Ngân hàng TT đã tạm ứng số tiền trên và đã chi phí xong nên buộc ông T2 và bà M phải hoàn trả cho Ngân hàng TT 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T2 và bà M phải chịu 15.110.481 đồng (Mười lăm triệu, một trăm mười nghìn, bốn trăm tám mươi một đồng).

6. Hoàn trả cho Ngân hàng TT số tiền 7.096.631 đồng (Bảy triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm ba mươi một đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003385 ngày 12/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ly